**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN TÂN T**
**TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 03-4-2023
Về việc: *"Ly hôn"*

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN T - TỈNH LONG AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Ngọc A

***Hội thẩm nhân dân*:**

1. Ông Nguyễn Vĩnh L

2. Ông Nguyễn Văn C

- ***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa***: Bà Đỗ Thị Hiếu L – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân T.

Ngày 03 tháng 4 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 155/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2023/QĐXX-ST, ngày 22 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* chị Phan Thị N, sinh năm 1986.

Nơi cư trú: ấp H, xã N, huyện Tân T, tỉnh Long An

*2. Bị đơn:* anh Nguyễn Hữu C, sinh năm: 1983

Nơi cư trú: ấp H, xã N, huyện Tân T, tỉnh Long An
(Nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt mà không phải vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan).

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*Theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, bản tự khai, lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nội dung vụ kiện như sau:*

Chị Phan Thị N và anh Nguyễn Hữu C tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2006, có đăng ký kết hôn theo giấy đăng ký kết hôn số 13, quyển

số 01 do Ủy ban nhân dân xã K, huyện Tân T, tỉnh Long An cấp ngày 13/3/2006. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có hạnh phúc. Đến khi sinh con thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn bất đồng trong quan điểm, không hợp tính tình, vợ chồng thường xuyên cự cãi, mâu thuẫn về tình cảm. Đến năm 2018 mâu thuẫn trở nên trầm trọng hơn, cuộc sống không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị N và anh C đã không còn chung sống với nhau từ năm 2021 cho đến nay. Hiện nay, chị N xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh C không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể nào hàn gắn được, cuộc sống chung của vợ chồng không còn nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị Phan Thị N và anh Nguyễn Hữu C có 02 con chung tên Nguyễn Hữu C1 sinh ngày 07/02/2007 và Nguyễn Hữu C2 sinh ngày 08/10/2010. Con chung hiện do chị N đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Nguyễn Hữu C: anh Nguyễn Hữu C đã vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và không có gửi văn bản trình bày ý kiến nên hồ sơ vụ án không thể hiện ý kiến của anh C.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp phát sinh giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp hôn nhân gia đình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn cư trú tại xã N, huyện Tân T, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân T theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Bị đơn anh Nguyễn Hữu C đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không phải vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Do đó, Hội xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Phan Thị N và anh Nguyễn Hữu C chung sống với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Tân T, tỉnh Long An, vào sổ đăng ký kết hôn số 13, quyển số 01 ngày 13/3/2006 nên quan hệ hôn nhân của chị N và anh C là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân dẫn đến ly hôn: Chị Phan Thị N trình bày trong thời gian chung sống giữa chị N và anh C chung sống với nhau không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được do luôn bất đồng trong quan điểm, không hòa hợp dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể sống hòa thuận và hạnh phúc được nữa. Chính vì vậy, chị N và anh C đã sống ly thân với nhau từ năm 2021 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, chị N và anh C không liên lạc, quan tâm lẫn nhau, mỗi người có cuộc sống riêng. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh C đã đến mức trầm trọng, tình cảm giữa vợ và chồng không còn, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Trước yêu cầu xin ly hôn của chị N, anh C đã vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án mời giải quyết vụ án. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị N có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung:

Chị Phan Thị N và anh Nguyễn Hữu C có 02 con chung tên Nguyễn Hữu C1 sinh ngày 07/02/2007 và Nguyễn Hữu C2 sinh ngày 08/10/2010. Con chung hiện do chị N đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh C cũng không có ý kiến, yêu cầu gì về tài sản chung nên không đề cập.

[3] Về án phí: Chị Phan Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

**Tuyên xử**:

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị N: Chị Phan Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Hữu C.

**2.** Chị Phan Thị N có quyền trực tiếp nuôi 02 con chung tên Nguyễn Hữu C1 sinh ngày 07/02/2007 và Nguyễn Hữu C2 sinh ngày 08/10/2010.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Hữu C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

**3.** Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Phan Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí. Chuyển 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai thu số 0004485 ngày 24/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân T sang thành án phí.

**4.** Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận***
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân T;
- Chi cục THADS huyệnTân T;
- UBND cấp xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Ngọc A**